

BỘ XÂY DỰNG**BỘ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2008/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**về việc ban hành Quy chế cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng****BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế Xây dựng và Viện trưởng Viện Kinh tế Xây dựng;

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết

định này “Quy chế cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đình Tiến Dũng

QUY CHẾ**cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng**

(ban hành kèm theo Quyết định số 06/2008/QĐ-BXD
ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định việc cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo Điều 18 của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

2. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng được cấp theo quy định của Quy chế này là cơ sở để các cá nhân, tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng cấp cho cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

2. Người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng do nước ngoài cấp còn giá trị thì được công nhận và sử dụng để hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng

công trình tại Việt Nam. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng do nước ngoài cấp phải được dịch ra tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam và phải gửi cho cơ quan quản lý hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình tại địa phương nơi hành nghề để theo dõi, quản lý.

3. Cá nhân là công chức đang làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước thì không được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo Quy chế này.

Chương II

**ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC, PHẠM VI
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁ NHÂN, TỔ
CHỨC HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN
QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Điều 3. Nội dung công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình

Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình bao gồm các công việc sau:

1. Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình;

2. Đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng công trình;

3. Xác định định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;

4. Đo bóc khối lượng công trình;

5. Lập, thẩm tra dự toán công trình;

6. Lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng;

7. Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

8. Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;

9. Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng;

10. Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình;

11. Các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình khác.

Điều 4. Điều kiện năng lực của cá nhân, tổ chức hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình

1. Cá nhân hoạt động độc lập về tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng;

b) Có đăng ký kinh doanh hoạt động

tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 1: có ít nhất 5 kỹ sư định giá xây dựng hạng 1;

b) Tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 2: có ít nhất 3 kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 hoặc 1 kỹ sư định giá xây dựng hạng 1.

Điều 5. Phạm vi hoạt động của cá nhân, tổ chức hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình

1. Phạm vi hoạt động của cá nhân hoạt động độc lập tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình:

a) Cá nhân có chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 được thực hiện một hoặc một số công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình quy định tại Điều 3 của Quy chế này đối với các dự án quan trọng quốc gia (trừ các công việc số 1,2,5,6 và 8), dự án nhóm A, B; được thực hiện tất cả các công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án nhóm C, dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

b) Cá nhân có chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 được thực hiện các công

việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình như cá nhân có chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1, trừ các công việc số 1, 2, 5, 6 và 8 quy định tại Điều 3 của Quy chế này đối với các dự án nhóm A, B; được thực hiện tất cả các công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án nhóm C và các dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

2. Phạm vi hoạt động của tổ chức hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình:

a) Tổ chức tư vấn quản lý chi phí hạng 1: được thực hiện tất cả các công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C, dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

b) Tổ chức tư vấn quản lý chi phí hạng 2: được thực hiện các công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình như tổ chức tư vấn quản lý chi phí hạng 1, trừ công việc số 1, 2, 5, 6 và 8 quy định tại Điều 3 của Quy chế này đối với các dự án quan trọng quốc gia;

c) Đối với tổ chức chưa đủ điều kiện xếp hạng: được thực hiện các công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Chương III

TỔ CHỨC CẤP CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

Điều 6. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Số chứng chỉ và lần cấp chứng chỉ;
- Các thông tin về cá nhân của người được cấp chứng chỉ;
- Trình độ chuyên môn được đào tạo;
- Hạng kỹ sư định giá xây dựng;
- Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ.

2. Mẫu của chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 của Quy chế này. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng có kích thước 85 mm x 125 mm, bìa cứng màu xanh đậm, trong ruột có 2 trang màu trắng.

3. Cách đánh số chứng chỉ và lần cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng như sau:

- Số chứng chỉ bao gồm 2 nhóm số:
 - Nhóm số thứ nhất: theo số mã điện thoại của địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);

- Nhóm số thứ hai: số thứ tự của chứng chỉ gồm có 4 chữ số;

Hai nhóm số được nối với nhau bằng dấu gạch ngang (-).

b) Lần cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng:

- Cấp lần đầu: ghi là cấp lần đầu;

- Cấp lại: ghi theo số lần cấp lại.

Điều 7. Điều kiện cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Người được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị cấm hành nghề theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, không đang trong tình trạng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù;

b) Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, kinh tế-kỹ thuật, kỹ thuật do tổ chức hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp và đang thực hiện các công việc có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

c) Có giấy chứng nhận đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng theo quy định của Bộ Xây dựng;

d) Có hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo quy định tại

Điều 10 của Quy chế này và đã nộp lệ phí cho cơ quan cấp chứng chỉ theo quy định;

đ) Có 5 năm tham gia hoạt động xây dựng trước thời điểm xin cấp chứng chỉ;

e) Đã trực tiếp thực hiện ít nhất 5 công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

2. Người được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 ngoài việc đáp ứng các điều kiện của kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có ít nhất 5 năm liên tục tham gia hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình kể từ thời điểm được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2;

b) Đã trực tiếp thực hiện ít nhất 5 công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình (công việc số 1, 2, 5, 6 và 8) quy định tại Điều 3 của Quy chế này của dự án quan trọng quốc gia hoặc dự án nhóm A;

c) Đã tham gia khóa bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về cơ chế chính sách đầu tư xây dựng công trình và nghiệp vụ tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định của Bộ Xây dựng.

3. Trường hợp người đề nghị cấp chứng

chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 chưa có chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2, nếu tại thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ đã có 10 năm liên tục tham gia lập, quản lý chi phí xây dựng và đã trực tiếp thực hiện ít nhất 5 công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình (trong số các công việc số 1, 2, 5, 6, 7 và 8) quy định tại Điều 3 của Quy chế này của dự án quan trọng quốc gia hoặc dự án nhóm A thì được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1.

Điều 8. Thẩm quyền cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Bộ Xây dựng thống nhất quản lý nhà nước về việc cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng trong phạm vi cả nước.

2. Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng cho các cá nhân có đủ điều kiện theo quy định.

Điều 9. Trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Người đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này tới Sở Xây dựng nơi đăng ký cấp chứng chỉ.

2. Sở Xây dựng tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ, yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

3. Trong thời gian tối đa 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng xét, cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo đúng quy định tại Quy chế này.

4. Việc thu và sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 của Quy chế này, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (xã, phường, thị trấn) nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi làm việc;

b) 02 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ;

c) Bản sao có chứng thực các văn bằng, giấy chứng nhận đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đề nghị cấp chứng chỉ;

d) Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công

trình theo mẫu tại Phụ lục số 3 của Quy chế này, có xác nhận của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc của chủ đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị nâng hạng chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị nâng hạng kỹ sư định giá xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 4 của Quy chế này;

b) 02 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày đề nghị nâng hạng;

c) Bản sao chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 (trừ trường hợp quy định tại điểm 3 của Điều 7);

d) Chứng nhận tham gia khóa bồi dưỡng cập nhật kiến thức về cơ chế chính sách đầu tư xây dựng công trình và nghiệp vụ tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

đ) Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo mẫu tại Phụ lục số 3 của Quy chế này có xác nhận của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc của chủ đầu tư.

3. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 đối với các trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 7 của Quy chế này tương tự hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2.

Điều 11. Cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng được cấp lại trong các trường hợp chứng chỉ bị rách, nát hoặc bị mất .

2. Điều kiện để được cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng:

a) Có đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng;

b) Có chứng chỉ cũ đối với trường hợp bị rách, nát. Có giấy xác minh của cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương đối với trường hợp bị mất chứng chỉ;

c) Có bản kê khai kết quả hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo chứng chỉ đã được cấp, có xác nhận của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc của chủ đầu tư.

3. Thủ tục cấp lại chứng chỉ:

a) Người xin cấp lại chứng chỉ nộp hồ sơ theo các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này. Cơ quan cấp chứng chỉ xem xét, cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng cho các cá nhân đủ thủ tục theo quy định. Thời gian cấp lại trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

b) Nội dung của chứng chỉ mới được ghi đúng như chứng chỉ cũ.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của người được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Người được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng có các quyền sau:

a) Được thực hiện các công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo hạng kỹ sư định giá xây dựng được cấp;

b) Được ký hồ sơ sản phẩm của các công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

c) Được khiếu nại, tố cáo những hành vi vi phạm các quy định của Quy chế này;

d) Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng có các nghĩa vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm trước người sử dụng lao động, chủ đầu tư và pháp luật về kết quả hoạt động theo nội dung hợp đồng tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã ký kết;

b) Hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đúng với hạng kỹ sư định giá xây dựng được cấp;

c) Không được cho người khác thuê, mượn chứng chỉ để hành nghề;

d) Không được tự ý tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ;

đ) Không được vi phạm các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp;

e) Hàng năm cung cấp thông tin cho

Sở Xây dựng nơi hoạt động tư vấn về các hoạt động có liên quan đến tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sau khi được cấp chứng chỉ. Nội dung thông tin cung cấp theo mẫu tại Phụ lục số 5 của Quy chế này;

g) Xuất trình chứng chỉ và chấp hành các yêu cầu về thanh tra, kiểm tra khi các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Sở Xây dựng

1. Sở Xây dựng có quyền:

a) Kiểm tra và xét duyệt hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng theo quy định;

b) Không cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng cho cá nhân không đủ điều kiện theo quy định tại điều 7 của Quy chế này;

c) Kiểm tra, quản lý hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình tại địa phương;

d) Thu hồi chứng chỉ, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

2. Sở Xây dựng có nghĩa vụ:

a) Cung cấp thông tin cho các đối tượng liên quan về việc cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng;

b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng;

c) Cấp chứng chỉ cho các cá nhân có đủ điều kiện theo đúng quy định;

d) Hàng năm cập nhật thông tin trên mạng quản lý hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng và các thông tin có liên quan đến việc cấp chứng chỉ;

đ) Lưu giữ hồ sơ gốc và quản lý các cá nhân hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Chương IV

KIỂM TRA, THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc quản lý cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng:

a) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế này trong phạm vi cả nước;

b) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về những hành vi vi phạm Quy chế này.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

a) Kiểm tra, thanh tra hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trong phạm vi địa giới hành chính quản lý;

b) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

Điều 15. Xử lý vi phạm

1. Người được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng sẽ bị thu hồi chứng chỉ khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự ý tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ, cho mượn hoặc cho thuê chứng chỉ;

b) Vi phạm đạo đức nghề nghiệp;

c) Sau 3 năm không hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

d) Không tham gia các khóa bồi dưỡng cập nhật kiến thức về cơ chế chính sách đầu tư xây dựng công trình và nghiệp vụ tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với việc cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng nếu vi phạm các quy định của Quy chế này thì tùy mức độ vi phạm, ngoài việc bị xử lý theo Quy chế này có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Quy định đối với trường hợp

chưa đủ điều kiện cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Cá nhân có trình độ trung cấp chuyên ngành kinh tế, kinh tế - kỹ thuật, kỹ thuật đang thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động xây dựng và có giấy chứng nhận đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng thì được hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

2. Cá nhân có bằng cấp chuyên môn phù hợp với yêu cầu của hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình nhưng chưa có chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng được tham gia thực hiện các công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình nhưng không được ký hồ sơ sản phẩm của các công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Điều 17. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Căn cứ các quy định của Quy chế này, Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức triển khai việc cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng và quản lý hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế nếu có vướng mắc, đề nghị các cá nhân, tổ chức có liên quan phản ánh về Bộ Xây dựng để được xem xét giải quyết.

3. Các chứng chỉ liên quan đến định giá xây dựng đã được cấp không theo quy định của Quy chế này không có giá trị pháp lý để hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

Phụ lục 1

MẪU CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

*(ban hành theo Quyết định số 06/2008/QĐ-BXD**ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

<p style="text-align: center;">TÊN CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ</p> <hr style="width: 20%; margin: auto;"/> <p style="text-align: center;">CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG</p> <p style="text-align: center;">Số chứng chỉ : (*) Lần cấp:</p>	<div style="border: 1px solid black; padding: 10px; text-align: center;"> <p>Ảnh 3x4 của người được cấp chứng chỉ (đóng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ)</p> </div> <p>Thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số CMND (hoặc hộ chiếu) - Ngày cấp CMND: Nơi cấp CMND: - Quốc tịch:
<p style="text-align: center;">Trang bìa 1 (màu xanh đậm)</p>	<p style="text-align: center;">Trang 2 (màu trắng)</p>
<p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p> <p style="text-align: center;"><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p>Thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp cho ông/bà: - Ngày tháng năm sinh: - Nơi thường trú: - Trình độ chuyên môn: 	<p style="text-align: center;">Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định. - Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung chứng chỉ.

Chứng chỉ kỹ sư định giá hạng:, ngày tháng năm THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	- Không được cho thuê, mượn chứng chỉ này để hành nghề.
Trang 3 (màu trắng)	Trang 4 (màu xanh đậm)

Ghi chú: (*) Số chứng chỉ ghi theo ví dụ sau: chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng cấp ở Hà Nội ghi là: 04-0001; tại TPHCM ghi là: 08-0001...vv.

Phụ lục 2

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

*(ban hành theo Quyết định số 06/2008/QĐ-BXD**ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

Lần đăng ký
cấp chứng chỉ
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên cá nhân:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Quốc tịch:
5. Số chứng minh nhân dân (hoặc số hộ chiếu):
6. Địa chỉ thường trú:
 - Số điện thoại liên hệ:
 - E.mail:
 - Website:
7. Địa chỉ nơi công tác (nếu có):
8. Trình độ chuyên môn:
 - Văn bằng chuyên môn đã được cấp;
 - Giấy chứng nhận đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng đã được cấp.
9. Kinh nghiệm nghề nghiệp:
 - Thời gian đã hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng công trình;

- Những công việc liên quan đến tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

Đề nghị được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng: ...

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung trong đơn này và cam kết hành nghề theo đúng chứng chỉ kỹ sư định giá được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Xác nhận của UBND cấp xã
hoặc của cơ quan, tổ chức
nơi công tác
(Ký và đóng dấu)

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 4

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NÂNG HẠNG KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

(ban hành theo Quyết định số 06/2008/QĐ-BXD

ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Lần đăng ký
cấp chứng chỉ

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NÂNG HẠNG KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên cá nhân:

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Nơi sinh:

4. Quốc tịch:

5. Số chứng minh nhân dân (hoặc số hộ chiếu):

6. Địa chỉ thường trú:

- Số điện thoại liên hệ:

- E.mail:

- Website:

7. Địa chỉ nơi công tác (nếu có):

8. Kinh nghiệm nghề nghiệp:

- Thời gian đã hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình (kể từ thời điểm được cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 đến thời điểm xin nâng hạng);

- Những công việc liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này;

- Tham gia khóa bồi dưỡng cập nhật kiến thức về cơ chế chính sách đầu tư xây dựng công trình và nghiệp vụ tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình (giấy chứng nhận).

Đề nghị được nâng kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 thành kỹ sư định giá xây dựng hạng 1.

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung trong đơn này và cam kết hành nghề theo đúng chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 5

CÁC THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN CỦA KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

*(ban hành theo Quyết định số 06/2008/QĐ-BXD**ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

1. Tên cá nhân:
2. Địa chỉ thường trú:
 - Số điện thoại liên hệ:
 - E.mail:
 - Website:
3. Địa chỉ nơi công tác (nếu có):
4. Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng số:
5. Cơ quan cấp chứng chỉ:
6. Hạng kỹ sư định giá xây dựng hiện tại:
7. Ngày, tháng, năm được chuyển hạng:
8. Trình độ chuyên môn:
 - Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp.
9. Những công việc liên quan đến hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã thực hiện đến thời điểm cập nhật thông tin (địa chỉ công trình nơi hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, cấp công trình, loại công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đang thực hiện...).